

THÁNG 11 NĂM 2025

Ngày, giờ thống kê: 09h00 - 01/12/2025 (Theo 766/QĐ-TTg)	LOẠI:	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Dưới TB	TỔNG
	Cấp tỉnh:	8	5	1	0	0	14
	Cấp xã:	82	19	1	0	0	102

Chưa đạt mục tiêu:	TĐGQ ≥95%	DVCTT ≥60%	TTTT ≥60%	SOHOA ≥80%	MDHL ≥90
Cấp tỉnh:	4	0	0	8	0
Cấp xã:	12	0	2	2	1

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Số hóa hồ sơ			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TĐGQ đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đôi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ MDHL đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3 +5+7+9+11	14
I			CẤP TỈNH																			
1	Tháng 11	H01.15	Sở Du lịch	18	100	20	100	Đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	18,98	86,28	Đạt	18	100	Đạt	94,98	Xuất sắc
2	Tháng 11	H01.04	Sở Văn hóa và Thể thao	18	100	19,34	96,7	Đạt	10	83,34	Đạt	9,92	99,2	Đạt	18,53	84,23	Đạt	18	100	Đạt	93,79	Xuất sắc
3	Tháng 11	H01.06	Sở Công Thương	18	100	19,92	99,6	Đạt	10	83,34	Đạt	9,02	90,2	Đạt	18,55	84,32	Đạt	18	100	Đạt	93,49	Xuất sắc
4	Tháng 11	H01.05	Sở Khoa học và Công nghệ	18	100	19,42	97,1	Đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	17,45	79,32	Chưa đạt	18	100	Đạt	92,87	Xuất sắc
5	Tháng 11	H01.16	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	18	100	20	100	Đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	16,24	73,82	Chưa đạt	18	100	Đạt	92,24	Xuất sắc
6	Tháng 11	H01.13	Ban Quản lý Khu kinh tế	18	100	20	100	Đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	16,19	73,6	Chưa đạt	18	100	Đạt	92,19	Xuất sắc
7	Tháng 11	H01.02	Sở Tài chính	18	100	19,75	98,75	Đạt	10	83,34	Đạt	7	70	Đạt	19,06	86,64	Đạt	18	100	Đạt	91,81	Xuất sắc
8	Tháng 11	H01.11	Sở Giáo dục và Đào tạo	16,51	91,73	17,75	88,75	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	18,16	82,55	Đạt	17,92	99,56	Đạt	90,34	Xuất sắc
9	Tháng 11	H01.01	Sở Nội vụ	18	100	19,73	98,65	Đạt	10	83,34	Đạt	7	70	Đạt	15,8	71,82	Chưa đạt	18	100	Đạt	88,53	Tốt
10	Tháng 11	H01.10	Sở Y tế	18	100	19,76	98,8	Đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	12,73	57,87	Chưa đạt	18	100	Đạt	88,49	Tốt
11	Tháng 11	H01.03	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	100	17,16	85,8	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	13,5	61,37	Chưa đạt	17,72	98,45	Đạt	86,38	Tốt
12	Tháng 11	H01.07	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	100	17,5	87,5	Chưa đạt	10	83,34	Đạt	10	100	Đạt	11,13	50,6	Chưa đạt	17,83	99,06	Đạt	84,46	Tốt
13	Tháng 11	H01.12	Sở Tư pháp	11,93	66,28	20	100	Đạt	10	83,34	Đạt	6,45	64,5	Đạt	16,47	74,87	Chưa đạt	18	100	Đạt	82,85	Tốt
14	Tháng 11	H01.09	Sở Xây dựng	6,69	37,17	18,11	90,55	Chưa đạt	7,25	60,42	Đạt	10	100	Đạt	17,69	80,41	Đạt	18	100	Đạt	77,74	Khá
II			CẤP XÃ																			
1	Tháng 11	H01.146	UBND xã Chợ Mới	18	100	19,94	99,7	Đạt	8,14	67,84	Đạt	8,63	86,3	Đạt	19,52	88,73	Đạt	18	100	Đạt	92,23	Xuất sắc
2	Tháng 11	H01.173	UBND xã Thanh Đông	18	100	19,86	99,3	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,63	86,3	Đạt	19,61	89,14	Đạt	18	100	Đạt	92,22	Xuất sắc
3	Tháng 11	H01.116	UBND xã Vĩnh Xương	18	100	19,98	99,9	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,76	89,82	Đạt	18	100	Đạt	92,22	Xuất sắc
4	Tháng 11	H01.196	UBND xã Vĩnh Bình	18	100	19,75	98,75	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,57	85,7	Đạt	19,74	89,73	Đạt	18	100	Đạt	92,14	Xuất sắc
5	Tháng 11	H01.188	UBND xã An Minh	18	100	19,83	99,15	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,63	86,3	Đạt	19,49	88,6	Đạt	18	100	Đạt	92,06	Xuất sắc
6	Tháng 11	H01.175	UBND xã Giồng Riềng	18	100	19,91	99,55	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,54	88,82	Đạt	18	100	Đạt	92,05	Xuất sắc
7	Tháng 11	H01.180	UBND xã Hòa Thuận	18	100	19,75	98,75	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,52	85,2	Đạt	19,64	89,28	Đạt	18	100	Đạt	92,03	Xuất sắc
8	Tháng 11	H01.195	UBND xã Vĩnh Thuận	18	100	19,84	99,2	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,57	85,7	Đạt	19,52	88,73	Đạt	18	100	Đạt	92,02	Xuất sắc
9	Tháng 11	H01.145	UBND xã Long Điền	18	100	19,8	99	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,46	84,6	Đạt	19,66	89,37	Đạt	18	100	Đạt	92,01	Xuất sắc
10	Tháng 11	H01.174	UBND xã Tân Hội	18	100	19,93	99,65	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,49	88,6	Đạt	18	100	Đạt	92	Xuất sắc
11	Tháng 11	H01.144	UBND xã Hội An	18	100	19,8	99	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,54	85,4	Đạt	19,56	88,91	Đạt	18	100	Đạt	91,99	Xuất sắc
12	Tháng 11	H01.185	UBND xã An Biên	18	100	19,89	99,45	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,6	86	Đạt	19,38	88,1	Đạt	18	100	Đạt	91,98	Xuất sắc
13	Tháng 11	H01.121	UBND xã Hòa Lạc	18	100	19,93	99,65	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,33	83,3	Đạt	19,62	89,19	Đạt	18	100	Đạt	91,96	Xuất sắc
14	Tháng 11	H01.184	UBND xã Vĩnh Tuy	18	100	19,92	99,6	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,45	88,41	Đạt	18	100	Đạt	91,93	Xuất sắc
15	Tháng 11	H01.183	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	18	100	19,75	98,75	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,46	84,6	Đạt	19,64	89,28	Đạt	18	100	Đạt	91,93	Xuất sắc
16	Tháng 11	H01.120	UBND xã Chợ Vàm	18	100	19,89	99,45	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,3	83	Đạt	19,63	89,23	Đạt	18	100	Đạt	91,91	Xuất sắc
17	Tháng 11	H01.159	UBND xã Tiên Hải	18	100	20	100	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,24	82,4	Đạt	19,61	89,14	Đạt	18	100	Đạt	91,9	Xuất sắc
18	Tháng 11	H01.167	UBND xã Bình Sơn	18	100	19,87	99,35	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,6	86	Đạt	19,28	87,64	Đạt	18	100	Đạt	91,86	Xuất sắc
19	Tháng 11	H01.110	UBND xã Khánh Bình	18	100	19,92	99,6	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,38	83,8	Đạt	19,43	88,32	Đạt	18	100	Đạt	91,84	Xuất sắc
20	Tháng 11	H01.108	UBND xã Vĩnh Hậu	17,93	99,62	19,85	99,25	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,54	88,82	Đạt	18	100	Đạt	91,84	Xuất sắc
21	Tháng 11	H01.163	UBND xã Hòn Nghê	18	100	20	100	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,24	82,4	Đạt	19,54	88,82	Đạt	18	100	Đạt	91,83	Xuất sắc
22	Tháng 11	H01.179	UBND xã Ngọc Chúc	17,95	99,73	20	100	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,43	84,3	Đạt	19,34	87,91	Đạt	18	100	Đạt	91,81	Xuất sắc
23	Tháng 11	H01.192	UBND xã Văn Khánh	18	100	19,81	99,05	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,3	83	Đạt	19,6	89,1	Đạt	18	100	Đạt	91,78	Xuất sắc
24	Tháng 11	H01.162	UBND xã Sơn Hải	18	100	20	100	Đạt	8,04	67	Đạt	8,1	81	Đạt	19,61	89,14	Đạt	18	100	Đạt	91,75	Xuất sắc
25	Tháng 11	H01.114	UBND xã Tân An	18	100	19,89	99,45	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,29	87,69	Đạt	18	100	Đạt	91,74	Xuất sắc
26	Tháng 11	H01.142	UBND xã Vĩnh An	17,75	98,62	19,89	99,45	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,3	83	Đạt	19,68	89,46	Đạt	18	100	Đạt	91,7	Xuất sắc
27	Tháng 11	H01.112	UBND phường Tân Châu	18	100	19,76	98,48	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,29	87,69	Đạt	18	100	Đạt	91,66	Xuất sắc
28	Tháng 11	H01.133	UBND xã Ba Chúc	18	100	19,95	99,75	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,3	83	Đạt	19,32	87,82	Đạt	18	100	Đạt	91,64	Xuất sắc

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Số hóa hồ sơ			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TĐQG đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ MDHL đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3 +5+7+9+11	14
29	Tháng 11	H01.124	UBND xã Vĩnh Thanh Trung	18	100	19,75	98,75	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,43	84,3	Đạt	19,39	88,14	Đạt	18	100	Đạt	91,64	Xuất sắc
30	Tháng 11	H01.102	UBND phường Bình Đức	18	100	19,56	97,8	Đạt	8,16	68	Đạt	8,52	85,2	Đạt	19,4	88,19	Đạt	18	100	Đạt	91,64	Xuất sắc
31	Tháng 11	H01.187	UBND xã Đồng Thái	18	100	19,53	97,65	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,62	89,19	Đạt	18	100	Đạt	91,64	Xuất sắc
32	Tháng 11	H01.151	UBND xã Định Mỹ	18	100	19,8	99	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,32	87,82	Đạt	18	100	Đạt	91,64	Xuất sắc
33	Tháng 11	H01.107	UBND xã An Phú	18	100	19,81	99,05	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,43	84,3	Đạt	19,31	87,78	Đạt	18	100	Đạt	91,62	Xuất sắc
34	Tháng 11	H01.147	UBND xã Nhơn Mỹ	18	100	19,89	99,45	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,43	84,3	Đạt	19,19	87,23	Đạt	18	100	Đạt	91,6	Xuất sắc
35	Tháng 11	H01.172	UBND xã Tân Hiệp	18	100	19,64	98,2	Đạt	8,14	67,84	Đạt	8,63	86,3	Đạt	19,18	87,19	Đạt	18	100	Đạt	91,59	Xuất sắc
36	Tháng 11	H01.199	UBND xã Vĩnh Điều	18	100	19,82	99,1	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,57	85,7	Đạt	19,08	86,73	Đạt	18	100	Đạt	91,56	Xuất sắc
37	Tháng 11	H01.113	UBND phường Long Phú	18	100	19,68	98,4	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,33	83,3	Đạt	19,32	87,82	Đạt	18	100	Đạt	91,42	Xuất sắc
38	Tháng 11	H01.149	UBND xã Thới Sơn	18	100	19,55	97,75	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,6	86	Đạt	19,12	86,91	Đạt	18	100	Đạt	91,38	Xuất sắc
39	Tháng 11	H01.111	UBND xã Phú Hữu	18	100	19,63	98,15	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,38	83,8	Đạt	19,29	87,69	Đạt	18	100	Đạt	91,38	Xuất sắc
40	Tháng 11	H01.157	UBND phường Hà Tiên	18	100	19,91	99,55	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,68	86,8	Đạt	18,67	84,87	Đạt	18	100	Đạt	91,38	Xuất sắc
41	Tháng 11	H01.118	UBND xã Phú An	18	100	19,72	98,6	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,33	83,3	Đạt	19,23	87,41	Đạt	18	100	Đạt	91,37	Xuất sắc
42	Tháng 11	H01.119	UBND xã Bình Thạnh Đông	18	100	19,47	97,35	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,37	88,05	Đạt	18	100	Đạt	91,36	Xuất sắc
43	Tháng 11	H01.178	UBND xã Hòa Hưng	18	100	19,68	98,4	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,6	86	Đạt	18,96	86,19	Đạt	18	100	Đạt	91,36	Xuất sắc
44	Tháng 11	H01.115	UBND xã Châu Phong	18	100	19,8	99	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,33	83,3	Đạt	19,14	87	Đạt	18	100	Đạt	91,35	Xuất sắc
45	Tháng 11	H01.101	UBND phường Long Xuyên	18	100	19,6	98	Đạt	8,14	67,84	Đạt	8,71	87,1	Đạt	18,89	85,87	Đạt	18	100	Đạt	91,34	Xuất sắc
46	Tháng 11	H01.130	UBND xã An Cư	18	100	19,57	97,85	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,19	87,23	Đạt	18	100	Đạt	91,3	Xuất sắc
47	Tháng 11	H01.134	UBND xã Trĩ Tôn	18	100	19,49	97,45	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,54	85,4	Đạt	19,19	87,23	Đạt	18	100	Đạt	91,29	Xuất sắc
48	Tháng 11	H01.103	UBND phường Mỹ Thới	18	100	19,84	99,2	Đạt	8,14	67,84	Đạt	8,54	85,4	Đạt	18,76	85,28	Đạt	18	100	Đạt	91,28	Xuất sắc
49	Tháng 11	H01.177	UBND xã Long Thạnh	18	100	19,28	96,4	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,43	84,3	Đạt	19,48	88,55	Đạt	18	100	Đạt	91,28	Xuất sắc
50	Tháng 11	H01.125	UBND xã Châu Phú	18	100	19,44	97,2	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,19	87,23	Đạt	18	100	Đạt	91,2	Xuất sắc
51	Tháng 11	H01.106	UBND phường Vĩnh Tế	18	100	19,64	98,2	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,46	84,6	Đạt	18,92	86	Đạt	18	100	Đạt	91,13	Xuất sắc
52	Tháng 11	H01.189	UBND xã Đồng Hòa	18	100	19,48	97,4	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,6	86	Đạt	18,96	86,19	Đạt	18	100	Đạt	91,13	Xuất sắc
53	Tháng 11	H01.148	UBND xã Long Kiến	18	100	19,93	99,65	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,52	85,2	Đạt	18,56	84,37	Đạt	18	100	Đạt	91,12	Xuất sắc
54	Tháng 11	H01.132	UBND xã Núi Cấm	18	100	19,67	98,35	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,46	84,6	Đạt	18,93	86,05	Đạt	18	100	Đạt	91,11	Xuất sắc
55	Tháng 11	H01.131	UBND phường Chi Lăng	18	100	19,32	96,6	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,24	87,46	Đạt	18	100	Đạt	91,1	Xuất sắc
56	Tháng 11	H01.164	UBND xã Hòn Đất	18	100	19,35	96,75	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,52	85,2	Đạt	19,08	86,73	Đạt	18	100	Đạt	91,06	Xuất sắc
57	Tháng 11	H01.191	UBND xã Đồng Hưng	18	100	19,19	95,95	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,46	84,6	Đạt	19,31	87,78	Đạt	18	100	Đạt	91,04	Xuất sắc
58	Tháng 11	H01.190	UBND xã Tân Thạnh	18	100	19,63	98,15	Đạt	8,04	67	Đạt	8,41	84,1	Đạt	18,95	86,14	Đạt	18	100	Đạt	91,03	Xuất sắc
59	Tháng 11	H01.137	UBND xã Vĩnh Gia	18	100	19,4	97	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,49	84,9	Đạt	19,03	86,5	Đạt	18	100	Đạt	91	Xuất sắc
60	Tháng 11	H01.200	UBND Đặc khu Kiên Hải	18	100	19,08	95,4	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,57	85,7	Đạt	19,21	87,32	Đạt	18	100	Đạt	90,95	Xuất sắc
61	Tháng 11	H01.143	UBND xã Cù Lao Giêng	18	100	19,52	97,6	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,35	83,5	Đạt	18,98	86,28	Đạt	18	100	Đạt	90,94	Xuất sắc
62	Tháng 11	H01.161	UBND xã Hòa Điền	18	100	20	100	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18,4	83,64	Đạt	18	100	Đạt	90,91	Xuất sắc
63	Tháng 11	H01.109	UBND Xã Nhơn Hội	18	100	19,52	97,6	Đạt	8,07	67,25	Đạt	8,54	85,4	Đạt	18,78	85,37	Đạt	18	100	Đạt	90,91	Xuất sắc
64	Tháng 11	H01.117	UBND xã Phú Tân	18	100	19,45	97,25	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,35	83,5	Đạt	18,95	86,14	Đạt	18	100	Đạt	90,87	Xuất sắc
65	Tháng 11	H01.197	UBND xã Vĩnh Phong	18	100	19,53	97,65	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,6	86	Đạt	18,48	84	Đạt	18	100	Đạt	90,72	Xuất sắc
66	Tháng 11	H01.194	UBND xã Vĩnh Hòa	17,34	96,34	19,58	98,55	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,54	85,4	Đạt	19,04	86,55	Đạt	18	100	Đạt	90,72	Xuất sắc
67	Tháng 11	H01.150	UBND xã Ốc Eo	18	100	19,3	96,5	Đạt	8,04	67	Đạt	8,46	84,6	Đạt	18,87	85,78	Đạt	18	100	Đạt	90,67	Xuất sắc
68	Tháng 11	H01.170	UBND xã Bình An	18	100	18,84	94,2	Chưa đạt	8,12	67,67	Đạt	8,68	86,8	Đạt	18,99	86,32	Đạt	18	100	Đạt	90,63	Xuất sắc
69	Tháng 11	H01.129	UBND phường Tịnh Biên	18	100	19,26	96,3	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,46	84,6	Đạt	18,73	85,14	Đạt	18	100	Đạt	90,57	Xuất sắc
70	Tháng 11	H01.138	UBND xã An Châu	18	100	19,63	98,15	Đạt	8,14	67,84	Đạt	8,38	83,8	Đạt	18,41	83,69	Đạt	18	100	Đạt	90,56	Xuất sắc
71	Tháng 11	H01.176	UBND xã Thanh Hưng	18	100	18,93	94,65	Chưa đạt	8,09	67,42	Đạt	8,54	85,4	Đạt	18,98	86,28	Đạt	18	100	Đạt	90,54	Xuất sắc
72	Tháng 11	H01.104	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	18	100	18,78	93,9	Chưa đạt	8,07	67,25	Đạt	8,33	83,3	Đạt	19,28	87,64	Đạt	18	100	Đạt	90,46	Xuất sắc
73	Tháng 11	H01.140	UBND xã Cần Đăng	18	100	19,63	98,15	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18,3	83,19	Đạt	18	100	Đạt	90,44	Xuất sắc
74	Tháng 11	H01.128	UBND phường Thới Sơn	17,01	94,5	19,75	98,75	Đạt	8,12	67,67	Đạt	8,49	84,9	Đạt	18,94	86,1	Đạt	18	100	Đạt	90,31	Xuất sắc
75	Tháng 11	H01.166	UBND xã Mỹ Thuận	18	100	19,15	95,75	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,57	85,7	Đạt	18,49	84,05	Đạt	18	100	Đạt	90,26	Xuất sắc
76	Tháng 11	H01.136	UBND xã Cỏ Trè	17,15	95,28	19,7	98,5	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,35	83,5	Đạt	19	86,37	Đạt	18	100	Đạt	90,25	Xuất sắc
77	Tháng 11	H01.198	UBND xã Giang Thành	18	100	19,66	98,3	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,43	84,3	Đạt	18,07	82,14	Đạt	18	100	Đạt	90,25	Xuất sắc
78	Tháng 11	H01.154	UBND xã Tây Phú	18	100	19,29	96,45	Đạt	8,05	67,09	Đạt	8,46	84,6	Đạt	18,44	83,82	Đạt	18	100	Đạt	90,24	Xuất sắc
79	Tháng 11	H01.186	UBND xã Tây Yên	18	100	19,55	97,75	Đạt	8,07	67,25	Đạt	6,99	69,9	Đạt	19,57	88,96	Đạt	18	100	Đạt	90,18	Xuất sắc
80	Tháng 11	H01.123	UBND xã Mỹ Đức	18	100	18,89	94,45	Chưa đạt	8,05	67,09	Đạt	8,3	83	Đạt	18,84	85,64	Đạt	18	100	Đạt	90,08	Xuất sắc

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết			Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Thanh toán trực tuyến			Số hóa hồ sơ			Mức độ hài lòng			TỔNG	LOẠI
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ TBĐQG đạt tối thiểu 95% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ DVCTT đạt 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Mục tiêu Tỷ lệ TTTT đạt tối thiểu 60% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ SOHOA đạt tối thiểu 80% trở lên	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Mục tiêu Tỷ lệ MDHL đạt tối thiểu 90% trở lên		
				1	2	3	4		5	6		7	8		9	10		11	12		13 = 1+3 +5+7+9+11	14
81	Tháng 11	H01.122	UBND xã Phú Lâm	18	100	19,38	96,9	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,33	83,3	Đạt	18,25	82,96	Đạt	18	100	Đạt	90,04	Xuất sắc
82	Tháng 11	H01.158	UBND phường Tô Châu	18	100	19,36	96,8	Đạt	8,11	67,59	Đạt	7,02	70,2	Đạt	19,55	88,87	Đạt	18	100	Đạt	90,04	Xuất sắc
83	Tháng 11	H01.141	UBND xã Vĩnh Hanh	18	100	18,65	93,25	Chưa đạt	8,09	67,42	Đạt	8,33	83,3	Đạt	18,68	84,91	Đạt	18	100	Đạt	89,75	Tốt
84	Tháng 11	H01.165	UBND xã Sơn Kiên	18	100	19,63	98,15	Đạt	8,09	67,42	Đạt	6,56	65,6	Đạt	19,45	88,41	Đạt	18	100	Đạt	89,73	Tốt
85	Tháng 11	H01.127	UBND xã Thanh Mỹ Tây	16,93	94,06	18,96	94,8	Chưa đạt	8,07	67,25	Đạt	8,54	85,4	Đạt	18,91	85,96	Đạt	18	100	Đạt	89,41	Tốt
86	Tháng 11	H01.171	UBND xã Thanh Lộc	15,13	84,06	19,77	98,85	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,54	85,4	Đạt	19,55	88,87	Đạt	18	100	Đạt	89,1	Tốt
87	Tháng 11	H01.182	UBND xã Định Hòa	18	100	19,73	98,65	Đạt	8,08	67,34	Đạt	7,12	71,2	Đạt	18,15	82,5	Đạt	18	100	Đạt	89,08	Tốt
88	Tháng 11	H01.156	UBND phường Vĩnh Thông	16,22	90,12	19,45	97,25	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,57	85,7	Đạt	18,68	84,91	Đạt	18	100	Đạt	89,03	Tốt
89	Tháng 11	H01.160	UBND xã Kiến Lương	18	100	19,3	96,5	Đạt	8,14	67,84	Đạt	7,12	71,2	Đạt	18,35	83,41	Đạt	18	100	Đạt	88,91	Tốt
90	Tháng 11	H01.105	UBND phường Châu Đốc	18	100	19,01	95,05	Đạt	8,11	67,59	Đạt	6,61	66,1	Đạt	18,94	86,1	Đạt	18	100	Đạt	88,67	Tốt
91	Tháng 11	H01.152	UBND xã Phú Hòa	15,05	83,62	19,72	98,6	Đạt	8,11	67,59	Đạt	8,52	85,2	Đạt	18,85	85,69	Đạt	18	100	Đạt	88,25	Tốt
92	Tháng 11	H01.139	UBND xã Bình Hòa	18	100	18,58	92,9	Chưa đạt	8,11	67,59	Đạt	6,66	66,6	Đạt	18,88	85,82	Đạt	18	100	Đạt	88,23	Tốt
93	Tháng 11	H01.169	UBND xã Châu Thành	18	100	18,68	93,4	Chưa đạt	8,11	67,59	Đạt	6,21	62,1	Đạt	19,21	87,32	Đạt	18	100	Đạt	88,21	Tốt
94	Tháng 11	H01.193	UBND xã U Minh Thượng	13,68	76	19,94	99,7	Đạt	8,09	67,42	Đạt	8,46	84,6	Đạt	19,28	87,64	Đạt	18	100	Đạt	87,45	Tốt
95	Tháng 11	H01.155	UBND phường Rạch Giá	18	100	18,87	94,35	Chưa đạt	8,15	67,92	Đạt	6,81	68,1	Đạt	17,44	79,28	Chưa đạt	18	100	Đạt	87,27	Tốt
96	Tháng 11	H01.202	UBND Đặc khu Thổ Châu	18	100	19,09	95,45	Đạt	8,04	67	Đạt	5,68	56,8	Chưa đạt	18,37	83,5	Đạt	18	100	Đạt	87,18	Tốt
97	Tháng 11	H01.181	UBND xã Gò Quao	13,66	75,89	19,75	98,75	Đạt	8,08	67,34	Đạt	8,41	84,1	Đạt	19,19	87,23	Đạt	18	100	Đạt	87,09	Tốt
98	Tháng 11	H01.168	UBND xã Bình Giang	18	100	14,28	71,4	Chưa đạt	8,07	67,25	Đạt	8,57	85,7	Đạt	19,16	87,1	Đạt	16,76	93,12	Đạt	84,84	Tốt
99	Tháng 11	H01.153	UBND xã Vĩnh Trạch	12,25	68,06	19,79	98,95	Đạt	8,11	67,59	Đạt	6,87	68,7	Đạt	19,03	86,5	Đạt	18	100	Đạt	84,05	Tốt
100	Tháng 11	H01.126	UBND xã Bình Mỹ	11,33	62,95	19,91	99,55	Đạt	8,11	67,59	Đạt	6,66	66,6	Đạt	18,51	84,14	Đạt	18	100	Đạt	82,52	Tốt
101	Tháng 11	H01.135	UBND xã Ô Lâm	13,05	72,5	17,2	86	Chưa đạt	8,08	67,34	Đạt	6,48	64,8	Đạt	19,02	86,46	Đạt	17,73	98,5	Đạt	81,56	Tốt
102	Tháng 11	H01.201	UBND Đặc khu Phú Quốc	18	100	11,86	59,3	Chưa đạt	8,24	68,67	Đạt	5,3	53	Chưa đạt	14,44	65,64	Chưa đạt	15,95	88,62	Chưa đạt	73,79	Khá